

Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between the value of basket of component securities and the value per lot of ETF:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value (VND):	1,346,125,000
- Giá trị tài sản ròng của lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF (VND):	1,364,233,820
- Giá trị chênh lệch/Spread in value (VND):	18,108,820
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ Plan to reduce the spread (if any):	
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component	
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại	

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ In case, stock can be replaced by cash (if any, state reason):

Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) Cash amount is replaced for 1 shares (VND)	Đối tượng áp dụng Applied investors	Lý do Reason
TCB	33,220	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định tại TT121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
MSN	80,850	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)	Hạn chế đầu tư do Cổ đông lớn của công ty mẹ/ Restriction due to the major shareholder of the parent company
VCI	40,645	Công ty Cổ phần Chứng khoán VietCap (VIETCAP)	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
HCM	23,925	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
TCB	33,220	Nhà Đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign investor/ Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ State if component securities shall have corporate action (if any):

Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other informations (if any):

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/This period (*) 17/03/2026	Kỳ trước/Last period (**) 16/03/2026	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued			-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	7,200,000	7,200,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/CCQ)/Close Price	13,830	13,700	130.00
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	98,224,835,086	98,062,390,717	162,444,369.00
của một lô ETF/per Creation Unit	1,364,233,820	1,361,977,648	2,256,172.00
của một chứng chỉ Quỹ/per Share	13,642.33820	13,619.77648	22.56
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index:	3,117.48	3,085.89	31.59

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 16 tháng 3 năm 2026 / Item5 is net asset value calculated as at 16/3/2026

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 15 tháng 3 năm 2026 / Item5 is net asset value calculated as at 15/3/2026

57 - C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
'ẢN LÝ Q
Y THƯƠNG
AM - T.P

